

V/v xin hỗ trợ báo giá hàng  
hóa, dịch vụ

Sông Công, ngày 20 tháng 11 năm 2023

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý khách hàng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Bệnh viện C có kế hoạch mua sắm các mặt hàng đồ vải phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện C năm 2024 (Có phụ lục kèm theo). Bệnh viện C kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia báo giá.

- Thời gian tham gia chào giá: Từ 15h00 ngày 20 tháng 11 năm 2023 đến 15h00 ngày 24 tháng 11 năm 2023.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Hành chính quản trị, Bệnh viện C – P. Phố Cò – TP. Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên. Nhà thầu có thể tìm hiểu thêm thông tin tại phòng Hành chính quản trị của Bệnh viện C – P. Phố Cò – TP. Sông Công – Tỉnh Thái Nguyên (trong giờ hành chính).

Với nội dung như trên, Bệnh viện C Thái Nguyên xin trân trọng kính mời nhà thầu tham dự và gửi báo giá đúng thời gian quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như kính;
- Lưu VT; VTTBYT.

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đoàn Văn Hùng

## PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo thông báo mời chào giá số: 21/39/ CV-BVC ngày 20/11/2023 của Bệnh viện C)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo bệnh nhân	<p>- Chất liệu: vải Thô hoặc tương đương</p> <p>- Màu sắc: kẻ ô bi xanh nền trắng</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: (74±1,0)% polyeste (10±1,0)% bông, (15,1±1,0)% visco. Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc(Ne): (47±1,0)/1; Ngang(Ne): (30±1,0)/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 550±2; Ngang: 290±3; Khối lượng tính bằng g/m<sup>2</sup>: 120±3.</p> <p>Kiểu dệt: vân điểm.</p> <p>Quy cách may: theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế;</p> <p>Có in logo của Bệnh viện.</p>	Cái	500
2	Quần bệnh nhân	<p>- Chất liệu: vải Thô hoặc tương đương</p> <p>- Màu sắc: kẻ ô bi xanh nền trắng</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: (74±1,0)% polyeste (10±1,0)% bông, (15,1±1,0)% visco. Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc(Ne): (47±1,0)/1; Ngang(Ne): (30±1,0)/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 550±2; Ngang: 290±3; Khối lượng tính bằng g/m<sup>2</sup>: 120±3.</p> <p>Kiểu dệt: vân điểm.</p> <p>Quy cách may: theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế;</p> <p>Có in logo của Bệnh viện.</p>	Cái	500
3	Áo bệnh nhân cỡ bé	<p>- Chất liệu: vải Thô hoặc tương đương</p> <p>- Màu sắc: kẻ ô bi xanh nền trắng</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: (74±1,0)% polyeste (10±1,0)% bông, (15,1±1,0)% visco. Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc(Ne): (47±1,0)/1; Ngang(Ne): (30±1,0)/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 550±2; Ngang: 290±3; Khối lượng tính bằng g/m<sup>2</sup>: 120±3.</p> <p>Kiểu dệt: vân điểm.</p> <p>Quy cách may: theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế;</p> <p>Có in logo của Bệnh viện.</p>	Cái	30
4	Quần bệnh nhân cỡ bé	<p>- Chất liệu: vải Thô hoặc tương đương</p> <p>- Màu sắc: kẻ ô bi xanh nền trắng</p> <p>- Tiêu chuẩn vải: (74±1,0)% polyeste (10±1,0)% bông, (15,1±1,0)% visco. Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc(Ne): (47±1,0)/1; Ngang(Ne): (30±1,0)/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 550±2; Ngang: 290±3; Khối lượng tính bằng g/m<sup>2</sup>: 120±3.</p> <p>Kiểu dệt: vân điểm.</p> <p>Quy cách may: theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế;</p> <p>Có in logo của Bệnh viện.</p>	Cái	30

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5	Vỏ chăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải 100% cotton hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> <li>- Kích thước: 2m x 1,5m</li> <li>- Tiêu chuẩn vải: 100% bông; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 275±3; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 215±3, Ngang: 115±3.</li> <li>- Quy cách may: May xung quanh, cửa chăn có đính cúc</li> <li>Có in logo của Bệnh viện.</li> </ul>	Cái	300
6	Lõi chăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần vỏ: vải 100% bông, ruột bông siêu nhẹ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> <li>- Kích thước: 2m x 1,45m-</li> <li>- Tiêu chuẩn vải vỏ : 100% bông; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 275±3; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 215±3, Ngang: 115±3.</li> </ul>	Cái	120
7	Lõi gối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần vỏ: vải 100% bông, ruột bông siêu nhẹ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> <li>- Tiêu chuẩn vải vỏ : 100% bông; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 275±3; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 215±3, Ngang: 115±3.</li> <li>- Kích thước: 40cm x 60cm</li> </ul>	Cái	150
8	Vỏ gối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải 100% cotton hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> <li>- Tiêu chuẩn vải: 100% bông; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 275±3; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 215±3, Ngang: 115±3.</li> <li>- Quy cách may: May xung quanh , miệng gối có đính cúc</li> <li>Có in logo của Bệnh viện.</li> </ul>	Cái	150
9	Ga chun	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu xanh hòa bình</li> <li>- Tiêu chuẩn vải: (88±1)% polyeste; (11±1)% bông. Độ bền màu giặt C(3); 60C (cấp) 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): Dọc: &lt;1 , ngang: &lt;1; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 170±1; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 295±3, Ngang: 225±3.</li> <li>- Quy cách may: May xung quanh, chun 4 góc</li> <li>Có in logo của Bệnh viện.</li> </ul>	Cái	400
10	Áo vàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : Vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: màu vàng</li> </ul>	Cái	30

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>- Tiêu chuẩn vải: (90±1)% polyeste; (9±1)% bông. Độ bền màu giặt C(3); 60C (cấp) 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): Dọc: &lt;1, ngang: &lt;1; Khối lượng thực tế (g/m<sup>2</sup>): 140±2; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 387±1, Ngang: 230±1.</p> <p>- Quy cách may: theo thông tư 45/2015/ TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế; Có in logo của Bệnh viện.</p>		
11	<b>Đệm</b>	<p>- Chất liệu: Đệm bọc giả da</p> <p>- Màu sắc: màu đen</p> <p>- Kích thước : 90cm x190cm x 5cm</p> <p>Có in logo bệnh viện</p>	Cái	100
		<b>Tổng 11 khoản</b>		